

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY
SẢN VIỆT NAM
“FSO”



Tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam
(FISHIPCO)

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:0200140967

- Vốn điều lệ: 56.249.660.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:56.249.660.000 đồng

- Địa chỉ: Số 2 Phan Đình Phùng – Phường Hạ Lý – Quận Hồng Bàng –
Thành phố Hải Phòng - Việt Nam

- Số điện thoại:0225.384.2665

- Số fax:0225.3820436

- Website:www.dongtauthuysan.vn

- Mã cổ phiếu:F50

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam tiền thân là DNNN, thành viên của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số: 613/QĐ-BTS ngày 11/08/2006 của Bộ Thủy sản và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007.

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200140967 lần đầu ngày 11/12/2006 và thay đổi lần thứ 6 ngày 05/5/2015.

Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng tháng 11 năm 2007.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh của Công ty:*

+ Đóng tàu và cấu kiện nổi

+ Sửa chữa các loại phương tiện thủy

+ Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu

+ Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi

+Trông giữ xe ô tô

- *Địa bàn kinh doanh:* Hai lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là

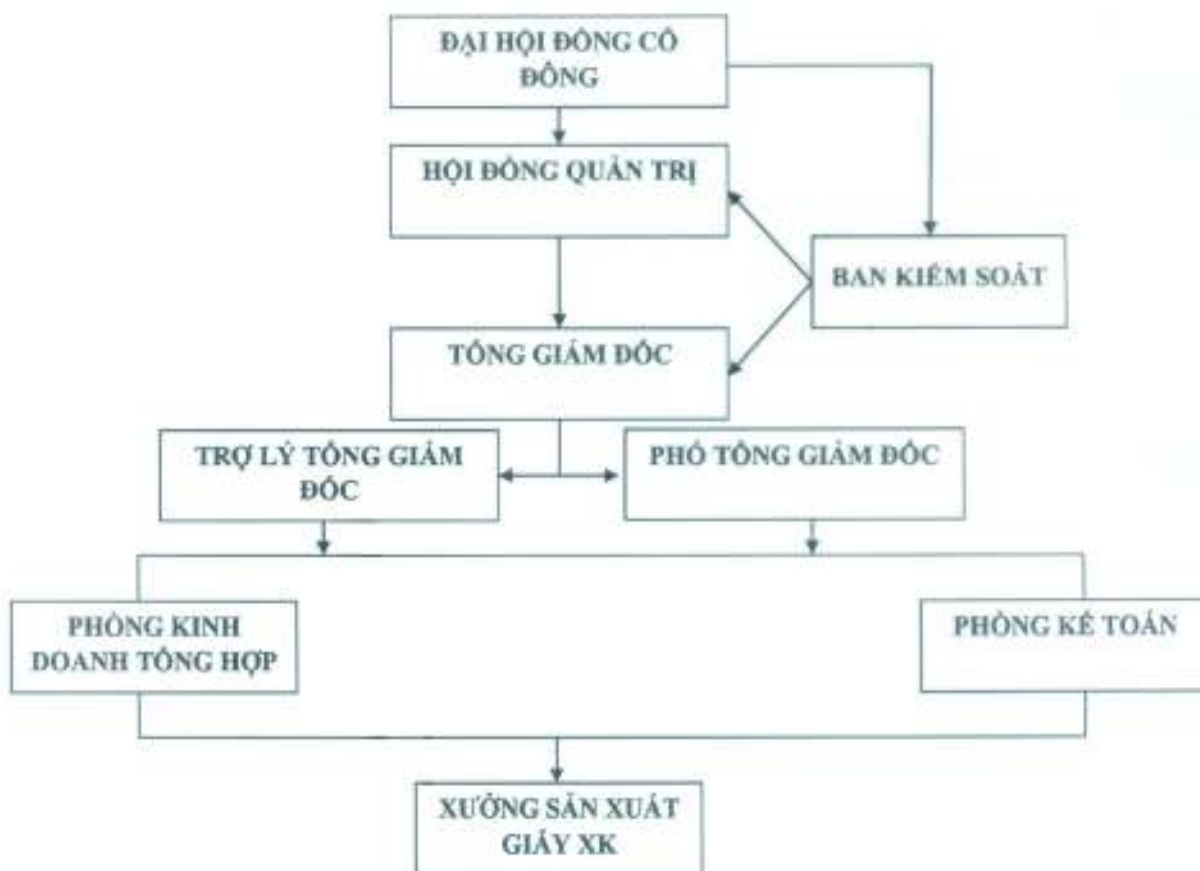
đóng và sửa chữa tàu; Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu bao gồm các chi nhánh trực thuộc như sau:

+ *Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách: Địa chỉ: Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng*

+ *Xưởng sản xuất giấy: Địa chỉ: Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.*

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị:



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS).

a) Hội đồng quản trị:

HĐQT có 05 thành viên trong đó có 01 Chủ tịch và 04 Thành viên. HĐQT là cơ

quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) Ban kiểm soát:

Thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 Thành viên trong đó có 01 Trưởng ban và 02 Thành viên. Ngày 08/12/2020, 01 Thành viên Ban kiểm soát có đơn từ nhiệm. Công ty sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc từ nhiệm TV BKS và bầu bổ sung 01 TV BKS Công ty trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

c) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

Ban Tổng giám đốc gồm 03 Thành viên (Tổng giám đốc và 02 Phó tổng giám đốc); 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Ngày 09/12/2020 HĐQT quyết định về việc thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc đối với 02 Phó Tổng giám đốc và bổ nhiệm 01 Phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp việc cho Tổng giám đốc công ty theo sự phân công.

d) Các bộ phận chức năng và bộ phận trực thuộc:

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho ban Tổng giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh tổng hợp, Xưởng sản xuất giấy.

e) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển Công ty trên các lĩnh vực theo đề án tái cơ cấu mở rộng ngành nghề: Cho thuê mặt bằng nhà xưởng, kinh doanh vật liệu xây dựng, tiếp tục duy trì sản xuất gia công giấy vàng mã xuất khẩu. Trong đó trọng tâm là dịch vụ cho thuê mặt bằng bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tạm dừng ngành nghề chính là Cơ khí đóng tàu tạm dừng chờ cơ hội phát triển chung của xã hội; tập trung nghiên cứu thị trường về lĩnh vực dịch vụ kho bãi để đầu tư mở rộng diện tích kho hàng để cho thuê; tiếp cận lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng và dần từng bước mở rộng quy mô kinh doanh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Đây cũng là mục tiêu, là chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty góp phần bảo vệ lợi ích cho người lao động và các cổ đông.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro tỷ giá:

Doanh thu tiêu thụ của Công ty có doanh thu xuất khẩu giấy vàng mã sang thị trường Đài Loan (Chiếm tỷ lệ 70% tổng doanh thu trong năm 2020). Đồng tiền sử dụng cho xuất khẩu là đồng Đô la Mỹ và Nhân Dân Tệ. Tỷ giá ngoại tệ biến động đều ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ, ảnh hưởng đến một phần lợi nhuận của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (ĐVT:VND)	Năm 2019 (ĐVT:VND)	% 2020/2019	Ghi chú
1	Tổng giá trị tài sản	56.285.648.602	61.724.748.256	97,16%	
2	Doanh thu thuần	13.909.722.959	42.253.950.719	35,44%	
3	Giá vốn hàng bán	13.786.435.360	39.687.940.494	35%	
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.305.530.002)	(975.063.280)		
5	Lợi nhuận khác	(12.701.058)	(315.608)		
6	Lợi nhuận trước thuế	(3.318.231.060)	(975.378.888)		
7	Lợi nhuận sau thuế	(3.318.231.060)	(975.378.888)		
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức				

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Theo Nghị quyết cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 19/2020/NQ-ĐTTS-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 như

sau:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% 2020/Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	47.000.000.000	13.909.722.959	29,6
2	Lợi nhuận trước thuế	200.000.000	(3.318.231.060)	

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng giám đốc	
2	Ông Trần Công Toại	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ 09/12/2020
4	Ông Vũ Văn Khuyến	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ 09/12/2020
6	Ông Lương Thế Long	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ 10/12/2020
5	Bà Ngô Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	

Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

1. Ông Đặng Quang Hoàn: Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 05/11/1965,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 030697563 - Ngày cấp: 26/4/2010 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng
- Quê quán: Vĩnh An, Vĩnh Bảo, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Số 114, Lô 26D, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc và Bí

thư Đảng ủy công ty,

- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1987 - 3/1995	Nhà máy cơ khí thủy sản Vật Cách	Nhân viên
3/1995 – 3/2004	Nhà máy cơ khí và đóng sửa tàu thuyền	Phó phòng kế toán
3/2004-1/2005	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Trưởng phòng kế toán
1/2005 – 12/2006	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Kế toán trưởng
1/2007 – 6/2013	Công ty cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT
6/2013-1/2014	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc, thành viên HĐQT
1/2014-1/2015	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Quyền tổng giám đốc, thành viên HĐQT
1/2015 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.222.595 CP chiếm tỷ lệ 21,74% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 97.602 CP chiếm tỷ lệ 1,74%,
- + Đại diện sở hữu: 1.124.993 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 20% VDL.

2. Ông Trần Công Toại: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 04/10/1962,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 031181263 - Ngày cấp: 06/6/2012 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng.

- Quê quán: Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An,
- Nơi ở hiện nay: 103/5/47 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1985 – 2/1992	Nhà máy cơ khí Hạ Long	Tổ trưởng sản xuất
2/1992 – 1/1996	Xí nghiệp cơ khí và dịch vụ vật tư thủy sản	Tổ trưởng sản xuất
1/1996- 11/1997	Xí nghiệp cơ khí và dịch vụ vật tư thủy sản	Nhân viên phòng kế toán
11/1997 – 5/2003	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Phó phòng kế toán
5/2003- 1/2004	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Trưởng phòng KHSX
1/2004 – 1/2014	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Giám đốc xí nghiệp cơ khí I
1/2014 – 9/2015	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
9/2015 – 4/2017	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty
4/2017 - 8/2017	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty
8/2017 – 05/2020	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy
05/2020 – 09/12/2020	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Phó bí thư đảng ủy công ty

Từ 09/12/2020 đến nay	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT
-----------------------	--	-----------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 39.500 CP chiếm tỷ lệ 0,7% VDL.

3. Ông Vũ Văn Khuyển: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 29/3/1965,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 030814006 - Ngày cấp: 12/5/2008 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Tam kỳ, Kim Thành, Hải Dương,
- Nơi ở hiện nay: Số 2/C192, phường Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2/1986 – 12/2005	Nhà máy cơ khí thủy sản Vật Cách	Nhân viên phòng kế toán
12/2005 – 5/2014	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó giám đốc xí nghiệp cơ khí I

5/2014 – 9/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế hoạch sản xuất Thành viên ban kiểm soát
9/2015 – 11/2016	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên ban kiểm soát
11/2016 đến 05/2020	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc
05/2020 đến 09/12/2020	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc; Phó bí thư Đảng ủy
09/12/2020 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó bí thư Đảng ủy, trợ lý Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 25.500 CP chiếm tỷ lệ 0,45%/VDL.

4. Ông Lương Thế Long: Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 22/8/1978,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 031045328 - Ngày cấp: 09/10/2006 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Thôn Vân Tra, xã An Đông, huyện An Dương, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư,
- Chức vụ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

6/2001 – 12/2001	Nhà máy đóng tàu Sông Cẩm	Cán bộ kỹ thuật
01/2002 – 06/2003	Nghi ở nhà để liên hệ xin chuyển cơ quan khác	
06/2003 – 10/2004	Công ty vận tải Miền Bắc	Ban đóng mới
10/2004 – 10/2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Cán bộ kỹ thuật
10/2015 – 7/2017	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất
7/2017 – 9/2019	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng kế hoạch sản xuất Thành viên BKS
09/2019 – 10/12/2020	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phụ trách phòng kế hoạch vật tư Thành viên BKS
Từ 10/12/2020 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 36.000 CP chiếm tỷ lệ 0,64%/VĐL.

5. Bà Ngô Thị Thu Hà: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ,
- Sinh ngày: 22/10/1987,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 031521678 - Ngày cấp: 14/9/2004 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Tam Cường, Vĩnh Bảo, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Số 15A, ngách 1, ngõ 522 Ngô Gia Tự, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 12/12,

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế,
- Chức vụ tại Công ty: Kế toán trưởng,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2009 – 7/2011	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát	Trợ lý kiểm toán
7/2011 – 7/2013	CN Công ty CP xây lắp Hải Long	Kế toán tổng hợp
7/2013 – 8/2015	Công ty CP Quý Tùng Hương	Kế toán trưởng
8/2015 – 1/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó phòng kế toán
01/2016 – 6/2016	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
6/2016 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số lao động: 78 người

STT	Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	I/ Phân loại theo giới tính		
1	Nam	56	71,8
2	Nữ	22	28,2
	Cộng	78	100
	II/ Phân loại theo trình độ		
1	Số lao động có trình độ trên đại học		

2	Số lao động có trình độ đại học	15	19,2
3	Số lao động có trình độ cao đẳng	1	1,3
4	Số lao động có trình độ trung cấp	4	5,1
5	Số lao động khác	58	74,4

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng, thực hiện trả lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty căn cứ vào mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc và tiền lương khoán sản phẩm, đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của công ty.

Chính sách thưởng: Cuối năm và các dịp lễ tết, công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp các khoản bảo hiểm được công ty trích nộp theo đúng quy định hiện hành.

Chính sách đào tạo: Hàng năm, tùy theo yêu cầu công việc, công ty đều tiến hành cử cán bộ, công nhân viên đi học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ và tay nghề.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính: Đã được nêu tại mục II, khoản 1 trong báo cáo này.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	8,16	15,33	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	7,22	20,5	

Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,07	0,04	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,76	0,041	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	9,92	5,33	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,68	0,25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.624.966. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 5.624.966 cổ phần,
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần,

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	179	5.624.966	56.249.660.000	100%
+ Tổ chức	2	3.612.841	36.128.410.000	64,23%
+ Cá nhân	177	2.012.125	20.121.250.000	35,77%
Tổng cộng	179	5.624.966	56.249.660.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xung quanh công ty và trong khu vực. Ý thức được vấn đề đó công ty có những biện pháp để bảo vệ môi trường:

- Đầu tư máy móc đảm bảo năng suất, giảm công việc nặng nhọc cho người lao động, đáp ứng khối lượng hàng hóa ra thị trường, tiết kiệm chi phí, giảm khí thải ra môi trường. Công ty đã chế tạo, gia công và lắp đặt mới thêm dây chuyền sản xuất giấy vàng mã giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên liệu, sức lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Trang bị các thùng để chứa rác thải công nghiệp sau khi đã phân loại, thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh như: Bóng đèn, giẻ lau, mực in thải, hộp mực, bao bì cứng, phẩm màu, nhũ in thải, gi sắt, xi hàn,... hợp đồng với địa phương để vận chuyển rác thải về nơi quy định của thành phố.

- Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển xử lý chất thải nguy hại và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; Sử dụng những vật liệu tái chế vừa tiết kiệm, có lợi cho môi trường và xã hội; có lợi cho công ty: giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện

6.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi

trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Đánh giá hoạt động đóng và sửa chữa tàu thuyền:

Hoạt động đóng tàu của Công ty sụt giảm mạnh do nhu cầu của thị trường giảm mạnh. Năm 2020 Công ty chỉ quyết toán, xuất hóa đơn 01 Hợp đồng gia công phần vỏ 01 tàu vận tải 1.500 tấn (Hợp đồng đã ký từ năm 2019) nên hiệu quả không cao.

1.2 Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh vàng mã xuất khẩu:

Trong lĩnh vực sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu của Công ty vẫn duy trì sản xuất cho đối tác Đài Loan là bạn hàng truyền thống bên cạnh khai thác xuất khẩu thị trường Trung Quốc và thị trường xuất bán giấy đế trong nước. Tuy nhiên năm 2020 Ngành sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu giảm sản lượng và giá cả không ổn định do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19; thị trường quốc tế vẫn trong giai đoạn chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và số lượng đơn vị sản xuất mặt hàng này tăng nên kết quả kinh doanh của hoạt động này ảnh hưởng đáng kể.

1.3 Đánh giá hoạt động dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi:

Với mặt bằng sẵn có, công tác vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, trông coi xe ô tô, cho thuê ki ốt... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác để hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có để tăng thu nhập cho Công ty. Tuy nhiên năm 2020 dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi đóng tàu ngày càng khó khăn và bấp bênh do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19; đối tác thuê gặp khó khăn tài chính đã tạm ứng sản xuất; dịch vụ cho thuê kho về cơ bản duy trì như cùng kỳ năm trước nhưng việc thành phố có chủ trương quy hoạch khu đất tại số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý nên ảnh hưởng rất lớn đến các đơn vị thuê. Bên cạnh đó, chi phí thuê đất năm 2020 tăng cao ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của lĩnh vực này.

1.3 Kết quả hoạt động tài chính năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	TH Năm 2020	TH Năm 2019	% 2020/2019	Ghi chú
1. Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	13,9	42,3	32,9	
Doanh thu cơ khí, đóng sửa tàu thuyền và dịch vụ	Tỷ đồng	1,8	23,98		
SX giấy	Tỷ đồng	9,7	15,72		
Kinh doanh thương mại	Tỷ đồng	2,4	2,6		
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(3,32)	(0,975)		
3. Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	0,57	0,46	123,9	

2. Tình hình tài chính:**2.1 Tình hình tài sản:**

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	2020	2019	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	29.346.308.416	33.132.144.757	(3.785.836.341)
	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.174.065.009	2.098.129.705	(924.064.696)
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.700.000.000	22.700.000.000	
	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.703.266.023	3.978.249.091	(274.983.068)
	Hàng tồn kho	1.363.427.170	3.808.831.325	(2.445.404.155)
	Tài sản ngắn hạn khác	405.550.214	546.934.636	(141.384.422)
2	Tài sản dài hạn	26.939.340.186	28.592.603.499	(1.653.263.313)

Phải thu dài hạn			
Tài sản cố định	25.931.202.361	27.753.039.989	(1.821.837.628)
Tài sản dở dang dài hạn	265.842.539	265.842.539	
Tài sản dài hạn khác	742.295.286	573.720.971	168.574.315
Tổng tài sản	56.285.648.602	61.724.748.256	(5.439.099.654)

Tổng tài sản giảm so với đầu năm là 5.439.099.654. Nguyên nhân chính là hàng tồn kho giảm so với đầu năm là 2.445.404.155 đồng do trong năm đã hoàn thành quyết toán, xuất hóa đơn 01 tàu sông. Và giá trị khấu hao trong năm là: 1.821.837.628 đồng dẫn đến tổng tài sản giảm so với đầu năm là 5.439.099.654 đồng.

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả của Công ty chủ yếu là các khoản phải trả vật tư phục vụ sản xuất. Công ty không có khoản nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ban Tổng giám đốc Công ty luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tập trung vào việc nghiên cứu thị trường để đưa ra phương án đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh và dịch vụ có hiệu quả, tìm kiếm khách hàng và đối tác để phối hợp và cung ứng các dịch vụ khai thác tài sản sẵn có hiệu quả cao hơn.

Về lĩnh vực sản xuất gia công giấy xuất khẩu sẽ hợp tác với một số đối tác và đào tạo nhân lực, cải tiến máy móc kỹ thuật nhằm tăng năng suất lao động, đảm bảo sản xuất và xuất khẩu có lãi.

Dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi: Tận dụng tối đa các cơ sở mặt bằng và duy trì những khách hàng đã và đang thuê kho, xưởng, kiot, trông coi xe ô tô, thuê bãi triển, cầu cảng...;

Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng: Tập trung nghiên cứu thị trường, tìm kiếm cơ hội bán hàng cho các công trình xây dựng lớn, đầu tư hàng hóa đảm bảo chất lượng, tuyển dụng thêm nhân lực có trình độ về Vật liệu xây dựng để có thể mở rộng ngành nghề về sản xuất vật liệu xây dựng hoặc tổ chức thi công xây dựng các công trình....

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Trong những năm qua, Công ty luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư thiết bị xử lý nước thải, xử lý việc xả thải ra môi trường, phân loại xử lý chất thải rắn, lòng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư trang thiết bị giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường hợp vệ sinh, đúng pháp luật. Công ty đã chế tạo, gia công và lắp đặt mới thêm một hệ thống sản xuất dây chuyền sản xuất giấy vàng mã giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên liệu, sức lao động và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn chú trọng đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật; có chính sách thưởng tết và mua túi quà tết cho người lao động. Khuyến khích cho con em của người lao động bằng cách phát quất cho những em có thành tích học tập tốt, phát quà cho các cháu nhân dịp quốc tế thiếu nhi và tết trung thu.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn có sự chia sẻ khó khăn đối với địa phương trong khu vực: Đóng góp một phần nhỏ vật chất cho địa phương trong khu vực, thực hiện đóng góp quỹ trong công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung; tham gia đóng góp hỗ trợ đồng bào vùng lũ,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về nhân sự:

Không có sự thay đổi.

1.2 Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:

Sản phẩm Công ty luôn cố gắng duy trì đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hội đồng Quản trị đã bám sát thị trường, tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương, quyết sách nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh của mình theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra và các Nghị quyết của

Hội đồng Quản trị, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tìm mọi giải pháp giảm các chi phí quản lý, chi phí tiền lương..., tuy nhiên năm 2020 do tình hình chung của ngành đóng tàu hầu như không có sản phẩm đóng mới hoặc có thì cũng chỉ nhận gia công đóng mới phần vỏ, hiệu quả rất thấp, ngành sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu giảm sản lượng và giá cả không ổn định do thị trường xuất khẩu Đài Loan và Trung Quốc trong thời kỳ dịch Covid -19 rất hạn chế; đồng thời số lượng các đơn vị sản xuất cùng ngành nghề ngày càng tăng; về dịch vụ cho thuê mặt bằng bến bãi đóng tàu cũng ngày càng khó khăn, bấp bênh do đối tác thuê gặp khó khăn tài chính đã tạm dừng sản xuất...

Hội đồng quản trị tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty nhằm bảo đảm hiệu quả của bộ máy hoạt động của Công ty được tương đối an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2020, HĐQT đã định hướng để phát triển Công ty theo nguyên tắc cần trọng, hiệu quả, tập trung vào một số nhiệm vụ chính:

- Chỉ đạo Ban điều hành công ty triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo tinh thần của Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh (tạm dừng lĩnh vực cơ khí đóng tàu, mở rộng ngành nghề kinh doanh, đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng cho thuê mặt bằng nhà xưởng...), tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, kiểm soát và giảm thiểu các chi phí.

- Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành

3	Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Trần Công Toại	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành

1.1.1 Ông Lê Vĩnh Hòa- Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 12/11/1982,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 201483817 - Ngày cấp: 31/7/2007 - Nơi cấp: Công an TP Đà Nẵng
- Quê quán: Đà Nẵng,
- Nơi ở hiện nay: Căn hộ 7.04, Block B, Chung cư Ehome 5, 167 Trần Trọng Cung, Quận 7, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thông tin, Cử nhân Tài chính doanh nghiệp,
- Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó chủ tịch HĐQT CTCP Thủy sản số 4.
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung.
 - + Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn.
 - + Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội.
 - + Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 – Tháng 09/2007	Công ty TNHH Minh Thông	Nhân viên kinh doanh.
Tháng 10/2007 – 02/2012	Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng – CN TP Hồ Chí Minh	Chuyên viên môi giới Trưởng phòng Môi giới

		Phó giám đốc Chi nhánh
Tháng 11/2012 – Tháng 8/2015	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Chuyên viên Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 8/2015 – Tháng 6/2017	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác
Tháng 6/2017 – Tháng 01/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 02/2020 – Tháng 10/2020	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán
Tháng 10/2020 – Nay	Tổng công ty thủy sản Việt Nam	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HDQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.258.214 CP chiếm tỷ lệ 22,37%/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0%/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.258.214 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam-CTCP) chiếm tỷ lệ 22,37% /VDL.

1.1.2. Ông Đặng Quang Hoàn- Thành viên HDQT –Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày:05/11/1965,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 030697563 - Ngày cấp: 26/4/2010 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Vĩnh An, Vĩnh Bảo, Hải Phòng,
- Nơi ở hiện nay: Số 114, Lô 26D, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc và Bí thư Đảng ủy công ty,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không,

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1987 -3/1995	Nhà máy cơ khí thủy sản Vật Cách	Nhân viên
3/1995 – 3/2004	Nhà máy cơ khí và đóng sửa tàu thuyền	Phó phòng kế toán
3/2004-1/2005	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Trưởng phòng kế toán
1/2005 – 12/2006	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Kế toán trưởng
1/2007 – 6/2013	Công ty cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT
6/2013-1/2014	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc, thành viên HĐQT
1/2014-1/2015	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Quyền tổng giám đốc, thành viên HĐQT
1/2015 đến nay	Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, Lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.222.595 CP chiếm tỷ lệ 21,74% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 97.602 CP chiếm tỷ lệ 1,74%,
- + Đại diện sở hữu: 1.124.993 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty thủy sản Việt Nam – CTCP) chiếm tỷ lệ 20% VDL.

1.1.3 Ông Phạm Quốc Anh- Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phạm Quốc Anh,
- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 03/11/1983,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 012159522 - Ngày cấp: 09/05/2013 - Nơi cấp: CA Hà Nội,
- Quê quán: Xã Xuân Ngọc – Huyện Xuân Trường – Tỉnh Nam Định,

- Nơi ở hiện nay: Số 11/32/85 Nguyễn Lương Bằng – Đống Đa – Hà Nội,
- Trình độ văn hóa: 12/12,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị ,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/2010-9/2011	Ngân hàng TMCP Quân đội – MB Bank	Chuyên viên khối đầu tư
9/2011– 5/2013	Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	Chuyên viên – Phòng Đầu tư tài chính
7/2013– 5/2015	Tổng công ty Thủy sản Việt Nam	Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý vốn vào doanh nghiệp khác
5/2015 đến 16/4/2020	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT
Từ 16/4/2020 đến nay	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội Công ty CP Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 1.124.993 CP chiếm tỷ lệ 20% VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 0 CP chiếm tỷ lệ 0% VDL,
- + Đại diện sở hữu: 1.124.993 CP (Đại diện cổ phần của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP) chiếm tỷ lệ 20% VDL.

1.1.4 Ông Nguyễn Đức Lâm- Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Đức Lâm,

- Giới tính: Nam,
- Sinh ngày: 25/1/1955,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 030577523 - Ngày cấp: 16/9/2007 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Đông Linh, Đông Hưng, Thái Bình,
- Nơi ở hiện nay: Lô 13 chung cư 280 – Lê Lợi – Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vỏ tàu thủy,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1998 đến năm 2003	Công ty cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Phó Giám đốc
Từ năm 2003 đến năm 2007	Công ty cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Giám đốc
Từ năm 2007 đến năm 2013	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
Từ năm 2013 đến năm 2015	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2015 đến nay	Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 165.000 CP chiếm tỷ lệ 2,93 %/ VDL,
- + Sở hữu cá nhân: 165.000 CP chiếm tỷ lệ 2,93 %/ VDL,
- + Đại diện sở hữu: CP (Đại diện cổ phần của) chiếm tỷ lệ% /VDL.

1.1.5 Ông Trần Công Toại: Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam,

- Sinh ngày: 04/10/1962,
- Quốc tịch: Việt Nam,
- Dân tộc: Kinh,
- CMND: 031181263 - Ngày cấp:06/6/2012 - Nơi cấp: Công an Hải Phòng,
- Quê quán: Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An,
- Nơi ở hiện nay: 103/5/47 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng,
- Trình độ văn hóa: 10/10,
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân,
- Chức vụ tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy,
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không,
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1985 – 2/1992	Nhà máy cơ khí Hạ Long	Tổ trưởng sản xuất
2/1992 – 1/1996	Xí nghiệp cơ khí và dịch vụ vật tư thủy sản	Tổ trưởng sản xuất
1/1996- 11/1997	Xí nghiệp cơ khí và dịch vụ vật tư thủy sản	Nhân viên phòng kế toán
11/1997 – 5/2003	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Phó phòng kế toán
5/2003- 1/2004	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Trưởng phòng KHSX
1/2004 – 1/2014	Công ty Cơ khí đóng tàu thủy sản Hải Phòng	Giám đốc xí nghiệp cơ khí I
1/2014 – 9/2015	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
9/2015 – 4/2017	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Phó tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty
4/2017 - 8/2017	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Công ty
8/2017 – 05/2020	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản	Thành viên HĐQT, Phó

10/5/2021

	Việt Nam	tổng giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy
05/2020 – 09/12/2020	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc, Phó bí thư đảng ủy công ty
Từ 09/12/2020 đến nay	Công ty CP cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có,
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có,
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT, lương,
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có,
- Số cổ phần nắm giữ: 39.500 CP chiếm tỷ lệ 0,7% VDL.

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Thư ký HĐQT (kiêm nhiệm) đã thực hiện tốt các công việc giúp Chủ tịch HĐQT lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp HĐQT; tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Dự thảo các Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT, các văn bản thuộc HĐQT ban hành; Kiểm tra các Tờ trình, các dự thảo văn bản của Ban Điều hành trình HĐQT đảm bảo theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức hoạt động Công ty.....

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp: Trong năm HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp để quyết định một số vấn đề điều hành hoạt động của Công ty

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên	05	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên	05	100%	
4	Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên	05	100%	
5	Ông Trần Công Toại	Thành viên	05	100%	

- Các nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 04/2020/NQ - ĐTTS-HĐQT	27/3/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 10/4/2020 theo như dự kiến. - Giao Tổng giám đốc chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng tiến hành thủ tục hoãn việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty theo đúng quy định. - Chưa thông qua một số tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, sẽ quyết định chính thức tại kỳ họp HĐQT đợt tới. - Thông qua Tờ trình V/v phê duyệt đơn giá và kế hoạch tiền lương năm 2019; Tờ trình về quyết toán đơn giá tiền lương 2019. - Thống nhất thông qua đề xuất của Tổng Giám đốc Công ty tại văn bản số 14/2020/BC-ĐTTS-TGD ngày 13/3/2020. Riêng đề xuất về thù lao HĐQT, BKS trong năm 2020 sẽ được xem xét trong phiên họp HĐQT để thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty.
2	07/2020/NQ-ĐTTS-HĐQT	05/5/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất ngày 27/5/2020 là ngày chốt danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam, ngày dự kiến tổ chức Đại hội là ngày 15/6/2020. - Thống nhất thông qua tài liệu phục vụ Đại hội bao gồm: Chương trình họp, dự thảo báo cáo của HĐQT, Báo cáo BKS, các tờ trình cần thông qua theo quy định...

			<ul style="list-style-type: none"> - Giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận chuyên môn hoàn thiện một số nội dung góp ý (nếu có), in ấn các tài liệu phục vụ Đại hội ...mọi công việc hoàn thành trước ngày 05/6/2020 để công bố tài liệu theo đúng thời gian Quy định
3	23/2020/NQ-ĐTTS-HDQT	25/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS - Thống nhất thông qua việc lựa chọn Công ty AFA là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty theo Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty. Và một số nội dung khác..
4	26/2020/NQ-ĐTTS-HDQT	09/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua việc công bố đơn từ nhiệm thành viên BKS của Ông Lương Thế Long kể từ ngày 08/12/2020. HĐQT sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc từ nhiệm của thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS Công ty trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. - Thống nhất tạm thời không tiếp tục đầu tư phát triển lĩnh vực Cơ khí đóng tàu cho đến khi Công ty có quyết định khác phù hợp với tình hình của ngành. - Thống nhất tiếp tục hoạt động sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu với 01 dây chuyền kể từ Quý 4/2020 đến hết Quý 1/2021, xem xét hiệu quả cũng như các vấn đề khác và sẽ có kiến nghị thêm chính thức về lĩnh vực này. Công ty sẽ căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của lĩnh vực này và đưa ra một đánh giá

		<p>chính xác có nên tiếp tục đầu tư hay sẽ thanh lý máy móc hoặc cho thuê lại đây chuyên sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất việc quy hoạch tổng thể lại mặt bằng khu Vật Cách để vừa sử dụng làm kho văn phòng, vừa nâng cao hiệu quả khai thác, cho thuê. Giao Ban điều hành Công ty tích cực tìm kiếm khách hàng để cho thuê kho bãi, mặt bằng với thời hạn cho thuê tối đa là 05 năm, đảm bảo mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty và đúng quy định pháp luật về quản lý sử dụng đất. - Thống nhất giao Ban điều hành Công ty nghiên cứu, đề xuất việc triển khai một số ngành nghề kinh doanh mới phù hợp với điều kiện kho bãi và nhân sự của Công ty trên nguyên tắc mang lại hiệu quả và đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty. - Việc đầu tư xây dựng nhà kho cần nghiên cứu kỹ nhu cầu thị trường, xây dựng phương án cụ thể trình HĐQT Công ty xem xét, quyết định. - Thống nhất sáp nhập Phòng tổ chức hành chính vào Phòng kế toán và hợp nhất Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách với Phòng Kế hoạch Vật Tư thành Phòng Kinh Doanh Tổng Hợp. Giao Tổng giám đốc công ty bổ sung chức năng, nhiệm vụ bố trí sắp xếp công tác nhân sự của Phòng kế toán và Phòng kinh doanh tổng hợp phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. - Giao Ban điều hành chuẩn bị việc
--	--	--



			<p>xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, trong đó lưu ý việc tiết kiệm tối đa các chi phí, bám sát các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh mới, đề ra các giải pháp thực tế để hướng đến việc đạt được kết quả khả quan trong năm 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua đơn từ chức của 02 nhân sự Phó Tổng giám đốc Công ty là ông Vũ Văn Khuyến và ông Trần Công Toại. Giao Ban điều hành Công ty bổ tri, phân công công việc phù hợp đối với ông Vũ Văn Khuyến và ông Trần Công Toại theo đúng các quy định. - Thống nhất thông qua việc bổ nhiệm có thời hạn Ông Lương Thế Long - Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Kế hoạch Vật tư giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty. Giao chủ tịch HĐQT ký Quyết định bổ nhiệm theo đúng quy định của pháp luật.
5	Số 32/2020/NQ-ĐTTS-HĐQT	31/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất Phương án kinh doanh Vật liệu xây dựng số 115/2020/PA-ĐTTS ngày 12/12/2020 kèm theo tờ trình số 116/2020/TTr/ĐTTS ngày 17/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty V/v phê duyệt phương án kinh doanh vật liệu xây dựng Tại Cơ sở 2, thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng. - Giao Tổng giám đốc chủ động việc mua sắm thiết bị, tổ chức quản lý và thực hiện việc kinh doanh vật liệu xây dựng theo đúng quy định pháp luật, đúng chủ trương đã được Hội đồng quản trị Công ty thông

11/12/2020

			qua
--	--	--	-----

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành trực tiếp Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của ban điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2020, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp đầy đủ của Hội đồng quản trị; thông qua đó việc giám sát vẫn được thực hiện thường xuyên và khách quan.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban kiểm soát đến 15/6/2020	0	0
2	Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban kiểm soát từ 15/6/2020	0	0
3	Ông Lương Thế Long	Thành viên Ban kiểm soát đến 08/12/2020	36.000	0,64
4	Bà Phạm Thanh Yến	Thành viên Ban kiểm soát	24.894	0,44

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban kiểm soát đến 15/6/2020			
2	Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban kiểm soát từ 15/6/2020	2	100%	

3	Ông Lương Thế Long	Thành viên Ban kiểm soát đến 08/12/2020	2	100%	
4	Bà Phạm Thanh Yến	Thành viên Ban kiểm soát	2	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát đối với Công ty:

- Kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiến nghị với HĐQT các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD
- Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty
- Xem xét tính trung thực và hợp lý của công tác kế toán và lập báo cáo tài chính
- Kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, giữa niên độ và cả năm. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

DVT: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
1	Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT		18		18
2	Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	201	18		219
3	Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên HĐQT		18		18
4	Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên HĐQT		18		18
5	Ông Trần Công Toại	Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc đến 09/12/2020	122	18		140
7	Ông Vũ Văn	Phó tổng giám đốc đến	120			120

P.18/1-3-2021
 AM
 P.18/1

	Khuyến	09/12/2020			
8	Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng Ban kiểm soát đến 15/6/2020		5,5	5,5
9	Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát từ 15/6/2020		6,5	6,5
9	Ông Lương Thế Long	Thành viên Ban kiểm soát đến 15/6/2020; Phó tổng giám đốc từ 10/12/2020	92	12	104
10	Bà Phạm Thanh Yên	Thành viên Ban kiểm soát	67	12	79

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ

VI. Báo cáo tài chính: Tham khảo phụ lục đính kèm.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Quang Hoàn



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU –
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THUYỀN SÀN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thuyền sàn Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch
Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên
Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên
Ông Trần Công Toại	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 15/6/2020
Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 15/6/2020
Bà Phạm Thanh Yên	Thành viên	
Ông Lương Thế Long	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 08/12/2020

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Công Toại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 09/12/2020
Ông Vũ Văn Khuyển	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 09/02/2020
Ông Lương Thế Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Đặng Quang Hoàn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trong yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đặng Quang Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Số: 51/2021/BCKT-EAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU – THỦY SẢN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/03/2021 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Đong tàu – Thủy sản Việt Nam tại ngày 31/12/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại Mục 1.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2020 hoạt động đóng tàu của Công ty sụt giảm mạnh do nhu cầu của thị trường sụt giảm. Công ty đã thực hiện tái cơ cấu lại nhân viên tại bộ phận đóng tàu sang các bộ phận khác của Công ty cho phù hợp với tình hình kinh doanh trong giai đoạn tới. Vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng đến kết luận của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Đong tàu – Thủy sản Việt Nam kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 07/03/2020.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1334-2021-240-1

Lê Văn Long
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3303-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.346.308.416	33.132.144.757
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.174.065.009	2.098.129.705
1. Tiền	111		1.174.065.009	2.098.129.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.700.000.000	22.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	22.700.000.000	22.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.703.266.023	3.978.249.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	3.229.045.322	3.152.977.213
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.202.389.747	1.292.575.496
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(728.169.046)	(467.303.618)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	1.363.427.170	3.808.831.325
1. Hàng tồn kho	141		1.363.427.170	3.808.831.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		405.550.214	546.934.636
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		393.967.471	535.351.893
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	11.582.743	11.582.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.939.340.186	28.592.603.499
II. Tài sản cố định	220		25.931.202.361	27.753.039.989
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	25.931.202.361	27.753.039.989
Nguyên giá	222		55.462.732.464	55.462.732.464
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.531.530.103)	(27.709.692.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.842.539	265.842.539
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	265.842.539	265.842.539
VI. Tài sản dài hạn khác	260		742.295.286	573.720.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	742.295.286	573.720.971
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.285.648.602	61.724.748.256

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.234.531.573	4.355.400.167
I. Nợ ngắn hạn	310		1.914.531.573	4.061.400.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	555.811.525	835.162.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	26.919.895	1.241.104.890
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	61.600.000	70.041.150
4. Phải trả người lao động	314		493.237.790	797.473.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	38.020.000	33.340.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	530.942.291	448.030.868
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		208.000.072	636.247.076
II. Nợ dài hạn	330		320.000.000	294.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	320.000.000	294.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.051.117.029	57.369.348.089
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	54.051.117.029	57.369.348.089
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.249.660.000	56.249.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.050.000)	(83.050.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.090.727	36.090.727
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.299.043	3.194.299.043
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.346.882.741)	(2.027.651.681)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(2.027.651.681)	(1.052.272.793)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.318.231.060)	(975.378.888)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.285.648.602	61.724.748.256



Đặng Quang Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	13.909.722.959	42.253.950.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.909.722.959	42.253.950.719
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	13.786.435.360	39.687.940.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.287.599	2.566.010.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.677.176.706	1.623.381.822
7. Chi phí tài chính	22	5.4	24.989.523	22.860.075
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	5.753.425
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	202.987.112	203.486.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	4.878.017.672	4.938.108.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.305.530.002)	(975.063.280)
11. Thu nhập khác	31	5.7	800	-
12. Chi phí khác	32	5.8	12.701.858	315.608
13. Lợi nhuận khác	40		(12.701.058)	(315.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.318.231.060)	(975.378.888)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.318.231.060)	(975.378.888)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.5	(590)	(173)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.6	(590)	(173)



Dặng Quang Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.318.231.060)	(975.378.888)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.795.462.624	1.924.024.769
Các khoản dự phòng	03		260.865.428	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.655.366.862)	(1.611.601.668)
Chi phí lãi vay	06		-	5.753.425
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(2.917.269.870)	(657.202.362)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72.396.856	(445.141.129)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.445.404.155	386.679.870
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.692.621.590)	(761.822.004)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(188.574.315)	10.421.310
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(5.753.425)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(401.872.000)	(24.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.662.536.764)	(1.497.417.740)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(335.594.375)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(22.700.000.000)	(27.211.733.333)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		22.700.000.000	28.580.426.094
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.738.472.068	744.209.841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.738.472.068	1.777.308.227
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	-	1.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	-	(1.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(13.149.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(13.149.072)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(924.064.696)	266.741.415
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.098.129.705	1.831.388.290
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		1.174.065.009	2.098.129.705



Dặng Quang Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Ngô Thị Thu Hà
Kê toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Hải Phòng theo Quyết định số 613/QĐ-BTS ngày 11 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 05 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.249.660.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	35.082.000.000	62,37	35.082.000.000	62,37
Các cổ đông khác	Việt Nam	21.167.660.000	37,63	21.167.660.000	37,63
Cộng		56.249.660.000	100,00	56.249.660.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 72 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe cộ động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa các loại phương tiện;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công chế tạo cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Lắp đặt và sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng tàu thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh khai thác cầu cảng, neo đậu tàu thuyền;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; dầu, mỡ, dầu nhờn, gas;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Trông giữ ô tô.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2020, hoạt động đóng tàu của Công ty sụt giảm chủ yếu do nhu cầu thị trường sụt giảm. Nguyên nhân dẫn đến nhu cầu thị trường sụt giảm là do các năm trước lượng ngư dân đã đóng tàu cá rất nhiều nhờ chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ. Công ty đã thực hiện tái cơ cấu lại nhân viên tại bộ phận đóng tàu sang các bộ phận khác của Công ty cho phù hợp.

1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách	Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Xưởng Giấy	Thôn Song Mai, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2020	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40	năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08	năm

3.8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần dưới 01 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tàu sông: 10%;
- Vàng mã xuất khẩu: 0%;
- Cho thuê địa điểm: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		38.975.254		399.537.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.135.089.755		1.698.591.731
VND		1.121.333.917		361.389.659
USD	597,02	#	13.755.838	57.804,51 #
Cộng		<u>1.174.065.009</u>		<u>2.098.129.705</u>

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	22.700.000.000	22.700.000.000
Cộng	<u>22.700.000.000</u>	<u>22.700.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	829.870.720	736.164.850
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	521.730.857
Công ty TNHH Vạn Lợi	254.136.972	254.136.972
I SONG ENTERPRISE CO., LTD	714.687.861	275.247.135
Công ty hữu hạn dịch vụ xuất nhập khẩu Lục Hành	162.220.003	465.785.680
Các đối tượng khác	746.398.909	899.911.719
Cộng	<u>3.229.045.322</u>	<u>3.152.977.213</u>

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	1.163.803.287	-	1.246.908.493	-
Phải thu khác	38.586.460	-	45.667.003	-
Cộng	<u>1.202.389.747</u>	<u>-</u>	<u>1.292.575.496</u>	<u>-</u>

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	663.130.264	-	879.555.645	-
Công cụ, dụng cụ	197.989.482	-	247.895.511	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	1.456.210.015	-
Thành phẩm	387.784.214	-	1.101.097.845	-
Hàng hóa	114.523.210	-	124.072.309	-
Cộng	<u>1.363.427.170</u>	<u>-</u>	<u>3.808.831.325</u>	<u>-</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	728.169.046	-	728.169.046	260.865.428
Cộng	728.169.046	-	728.169.046	260.865.428

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Một thành viên Đồng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	> 3 năm	521.730.857	260.865.428	2 - 3 năm
XI nghiệp Tàu hút sóng 2 – Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy 1	184.354.285	-	> 3 năm	184.354.285	-	> 3 năm
Đoàn HA97- Công ty CP Nạo vét và xây dựng Đường thủy	932.904	-	> 3 năm	932.904	-	> 3 năm
Đoàn HP 2000- Công ty CP nạo vét và xây dựng đường thủy	21.151.000	-	> 3 năm	21.151.000	-	> 3 năm
Cộng	728.169.046	-		728.169.046	260.865.428	

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa	236.152.044	20.890.214
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	34.648.494	57.347.757
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	471.494.748	495.483.000
Cộng	742.295.286	573.720.971

(*) Chi phí san lấp mặt bằng để sử dụng thửa đất thuê tại Xã An Hồng, Huyện An Dương (thuế đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đến 28/8/2040).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	47.291.128.837	4.286.127.895	3.536.097.797	349.377.935	55.462.732.464
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	47.291.128.837	4.286.127.895	3.536.097.797	349.377.935	55.462.732.464
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	22.191.167.546	2.708.433.155	2.465.554.807	344.536.967	27.709.692.475
Khấu hao trong năm	1.157.065.720	399.812.940	260.868.060	4.090.908	1.821.837.628
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	23.348.233.266	3.108.246.095	2.726.422.867	348.627.875	29.531.530.103
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	25.099.961.291	1.577.694.740	1.070.542.990	4.840.968	27.753.039.989
Tại ngày 31/12/2020	23.942.895.571	1.177.881.800	809.674.930	750.060	25.931.202.361

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.240.505.248 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Hệ xe triển 6.500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
Cộng	265.842.539	265.842.539

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Đại học Dân lập Hải Phòng	69.090.909	69.090.909	69.090.909	69.090.909
Công ty TNHH Sao kim Hải Phòng Trịnh Đình Cán	71.735.400 195.424.000	71.735.400 195.424.000	- -	- -
Công ty TNHH An Hoa	-	-	214.500.000	214.500.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	-	-	154.216.920	154.216.920
Công ty TNHH thương mại vận tải Hoàng Văn	-	-	88.997.480	88.997.480
Các đối tượng khác	219.561.216	219.561.216	308.357.436	308.357.436
Cộng	555.811.525	555.811.525	835.162.745	835.162.745

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH MTV Vận tải và Thương mại Hà Nam	-	1.240.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An Toàn	25.000.000	-
Các đối tượng khác	1.919.895	1.104.890
Cộng	26.919.895	1.241.104.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	502.727.734	502.727.734	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.452.550	-	-	-	11.452.550	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	8.069.273	16.510.423	-	8.441.150
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	61.600.000	546.390.725	546.390.725	-	61.600.000
Các loại thuế khác	130.193	-	-	-	130.193	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	11.582.743	61.600.000	1.061.187.732	1.069.628.882	11.582.743	70.041.150

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí án ca	38.020.000	33.340.000
Cộng	38.020.000	33.340.000

4.14. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	99.940.672	47.783.532
BHXH, BHYT, BHTN	120.677.815	-
Công ty TNHH Vạn Lợi - Tiền nước phải trả	289.021.634	289.021.634
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.314.030	6.314.030
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
Các khoản phải trả khác	14.988.140	4.911.672
Cộng	530.942.291	448.030.868
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	320.000.000	294.000.000
Cộng	320.000.000	294.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(1.052.272.793)	58.344.726.977
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	(975.378.888)	(975.378.888)
Số dư tại ngày 01/01/2020	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	(2.027.651.681)	57.369.348.089
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	(3.318.231.060)	(3.318.231.060)
Tại ngày 31/12/2020	<u>56.249.660.000</u>	<u>(83.050.000)</u>	<u>36.090.727</u>	<u>3.194.299.043</u>	<u>(5.345.882.741)</u>	<u>54.051.117.029</u>

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	35.082.000.000	35.082.000.000
Các cổ đông khác	21.167.660.000	21.167.660.000
Cộng	<u>56.249.660.000</u>	<u>56.249.660.000</u>

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp đầu năm	56.249.660.000	56.249.660.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>56.249.660.000</u>	<u>56.249.660.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.624.966	5.624.966
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.624.966	5.624.966
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.624.966	5.624.966
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.624.966	5.624.966
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(3.318.231.060)	(975.378.888)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.318.231.060)	(975.378.888)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(590)	(173)

4.15.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(3.318.231.060)	(975.378.888)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lỗ sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.318.231.060)	(975.378.888)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.624.966	5.624.966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(590)	(173)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển trên VND
Tại ngày 01/01/2020	3.194.299.043
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2020	<u>3.194.299.043</u>

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	597,02	57.804,51

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu đóng mới tàu	1.787.172.200	23.979.753.182
Doanh thu sản xuất vàng mã	9.748.721.259	15.715.425.512
Doanh thu khác	2.373.829.500	2.558.772.025
Cộng	<u>13.909.722.959</u>	<u>42.253.950.719</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn đóng mới tàu	2.447.788.550	22.961.620.225
Giá vốn sản xuất vàng mã	10.744.835.635	15.599.157.752
Giá vốn dịch vụ khác	593.811.175	1.127.162.517
Cộng	<u>13.786.435.360</u>	<u>39.687.940.494</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	1.655.366.862	1.611.601.668
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	21.809.844	11.780.154
Cộng	1.677.176.706	1.623.381.822

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	-	5.753.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	24.989.523	17.106.650
Cộng	24.989.523	22.860.075

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.987.112	203.486.536
Cộng	202.987.112	203.486.536

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.775.074.990	3.335.217.435
Chi phí vật liệu quản lý	45.146.473	63.494.024
Chi phí dụng cụ văn phòng	16.322.727	10.422.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	481.217.867	174.827.484
Chi phí dự phòng nợ phải thu	260.865.428	-
Thuế, phí và lệ phí	507.368.725	312.152.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.506.140	659.971.973
Các khoản chi phí QLDN khác	73.515.322	382.022.291
Cộng	4.878.017.672	4.938.108.716

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác	800	-
Cộng	800	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế	25.390	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	12.676.468	315.608
Cộng	12.701.858	315.608

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.523.089.955	26.166.882.864
Chi phí nhân công	6.415.319.328	9.693.263.529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.795.462.624	1.924.024.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.297.205.287	6.325.533.121
Chi phí khác bằng tiền	660.454.876	921.891.217
Cộng	16.691.532.070	45.031.595.500

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(3.318.231.060)	(975.378.888)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	66.676.468	108.315.608
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	66.676.468	108.315.608
- <i>Thu lao HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	<i>54.000.000</i>	<i>108.000.000</i>
- <i>Các khoản phạt hành chính, phạt thuế khác</i>	<i>12.676.468</i>	<i>315.608</i>
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(3.251.554.592)	(867.063.280)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực đóng tàu
- Lĩnh vực sản xuất vàng mã
- Lĩnh vực khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	1.787.172.200	23.979.753.182	9.748.721.259	15.715.425.512	2.373.829.500	2.558.772.025	13.909.722.959	42.253.950.719
Cộng	1.787.172.200	23.979.753.182	9.748.721.259	15.715.425.512	2.373.829.500	2.558.772.025	13.909.722.959	42.253.950.719
Giá vốn	2.447.788.550	22.961.620.225	10.744.835.635	15.599.157.752	593.811.175	1.127.162.517	13.786.435.360	39.687.940.494
Kết quả hoạt động kinh doanh:								
Kết quả của bộ phận	(660.616.350)	1.018.132.957	(996.114.376)	116.267.760	1.780.018.325	1.431.609.508	123.287.599	2.566.010.225
Chi phí không phân bổ							5.081.004.784	5.141.595.252
Thu nhập tài chính							1.677.176.706	1.623.381.822
Chi phí tài chính							24.989.523	22.860.075
Lợi nhuận khác							(12.701.058)	(315.608)
Lợi nhuận trước thuế							(3.318.231.060)	(975.378.888)
Thuế thu nhập doanh nghiệp								
Lợi nhuận sau thuế							(3.318.231.060)	(975.378.888)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	26.213.344.260	29.298.707.687	2.910.158.077	4.065.793.370	778.308.566	728.169.046	29.901.810.903	34.092.670.103
Tài sản không phân bổ							26.383.837.699	27.632.078.153
Tổng tài sản							56.285.648.602	61.724.748.256

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	126.255.028	1.527.474.248	406.555.295	507.494.290	41.299.097	41.299.097	574.109.420	2.076.267.635
Nợ phải trả không phân bổ							1.660.422.153	2.279.132.532
Tổng nợ phải trả							2.234.531.573	4.355.400.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc nhận được trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao và thu nhập	522.992.847	759.810.466
Cộng	522.992.847	759.810.466

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương và các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát nhận được trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập Ban kiểm soát	198.990.423	284.746.973
Cộng	198.990.423	284.746.973

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki ốt (bao gồm cả dịch vụ điện, nước, gửi xe) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với số tiền cho mỗi kỳ:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.373.829.500	2.558.772.025
Cộng	2.373.829.500	2.558.772.025

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ-TĐ ngày 25/04/2012 (Diện tích: 354,7 m²; địa chỉ: số 2 phố Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ ngày 30/07/2013 (Diện tích: 2.594 m²; địa chỉ: số 2 phố Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 07/07/2015 (Diện tích: 1.906,7 m²; địa chỉ: Tại phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 5/10/1993 đến ngày 15/10/2043) và Hợp đồng thuê đất số 113/HĐ-TĐ ngày 30/11/2009 (Diện tích: 78.428 m²; địa chỉ: Xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 28/08/2000 đến 28/08/2040), với số tiền thuê mỗi kỳ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	546.390.725	351.152.875
Cộng	546.390.725	351.152.875

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đặng Quang Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

